

Bản án số: 125/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05-6-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Thành  
Bà Nguyễn Thị Phú

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn T, sinh ngày 14/10/1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

**2. Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 09/07/1988 (vắng mặt)

Thường trú: Thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Aichi-K, Nishio-S, Yonezu-C, Sakuramachi 83-2 East stion H, Nhật Bản.

**Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho chị H:** Anh Đàm Văn Liệu Q, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thị Trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đến UBND xã Q huyện V, tỉnh Bắc Giang đăng ký kết hôn ngày 27/3/2014. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu ngay, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì chị H đi lao động tại Nhật Bản, vợ chồng anh vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại được một thời gian, sau đó vợ chồng ít liên lạc dần, mỗi lần liên lạc vợ chồng đều xảy ra cãi vã, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn mà không thể hàn gắn được. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Phạm Yên H, sinh ngày 07/02/2015. Hiện cháu H đang sống cùng anh. Sau khi ly hôn anh đề nghị giao cháu H cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Anh và chị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 23/3/2023 (có xác nhận của Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Nhật Bản) chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh Phạm Văn T có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đến UBND xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang đăng ký kết hôn ngày 27/3/2014. Năm 2016 chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu vợ chồng vẫn liên hệ hỏi thăm nhau qua điện thoại nhưng sau đó thưa dần do mỗi lần vợ chồng liên hệ với nhau đều xảy ra mâu thuẫn. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc, anh T làm đơn xin ly hôn chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Phạm Yên H, sinh ngày 07/02/2015, hiện cháu đang sống cùng với anh T. Vợ chồng ly hôn chị đồng ý cho anh T nuôi dưỡng cháu H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, tại đơn đề nghị chị H trình bày: Do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh T không thể hòa giải được. Anh T có đơn khởi kiện đến cơ quan có thẩm quyền yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn chị nên chị đề nghị không hòa giải quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T, chị ủy quyền cho anh Đàm Văn Liệu Q, sinh năm 1993; Địa chỉ: thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang thay mặt chị nhận các văn bản giấy tờ và thông báo cho chị.

*Cháu Phạm Yến H trình bày.* Hiện nay cháu đang sinh sống cùng bố, nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống cùng bố.

*Tại phiên tòa sơ thẩm,* anh Phạm Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Phạm Văn T, bản tự khai của chị Nguyễn Thị H, biên bản lấy lời khai cháu Phạm Yến H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị H đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T.

Xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Do chị H hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Yến H cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh T khởi kiện xin ly hôn chị H và đề nghị giải quyết về con chung. Vì vậy, đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Anh T khởi kiện xin ly hôn chị H và yêu cầu giải quyết về con chung. Chị H hiện đang sinh sống tại Nhật Bản, có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản. Chị H là bị đơn, có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Anh Phạm Văn T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Chị Nguyễn Thị H hiện đang lao động tại Nhật Bản, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H nhưng chị H vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 27/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn anh T khởi kiện ly hôn chị H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phạm Văn T. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh T và chị H chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 chị H đi lao động tại Nhật Bản, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Anh T và chị H đều trình bày và xác định vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, cuộc sống vợ chồng không tình cảm mục đích hôn nhân không đạt được, anh T khởi kiện xin ly hôn chị H. chị H đồng ý ly hôn và đề nghị sớm giải quyết ly hôn cho chị và anh T. Như vậy, cả anh T và chị H đều xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng anh T, chị H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị H, xử cho anh T được ly hôn chị H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[5]. Về nuôi con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Phạm Yến H, sinh ngày 07/02/2015. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng anh T. Sau khi ly hôn anh T và chị H cùng thống nhất giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cháu H có nguyện vọng được ở cùng bố.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh T: Hội đồng xét xử thấy: hiện nay chị H đang sinh sống ở nước ngoài (Nhật Bản) không thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung, từ khi chị H đi lao động ở nước ngoài cháu H vẫn do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần, ngoài ra, cháu H có nguyện vọng được sống cùng với anh T, chị H đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81

Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Thao, giao con chung là cháu Phạm Yến H, sinh ngày 07/02/2015 cho anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến khi con chung trong 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật là phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích của con chung và nguyện vọng của cháu H.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp chị Nguyễn Thị H về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Anh T và chị H đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo:

[9.1] Anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[9.2] Chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1. Về hôn nhân:** Anh Phạm Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

**2. Về nuôi con chung:** Giao cháu Phạm Yến H, sinh ngày 07/02/2015 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

**3. Về án phí:** Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000092 ngày 10/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Phạm Văn T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo bản án:** Anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Hoàng Thị Thu Hiền**







